

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng Điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	2021020002	Tạ Thị Thủy An	19/02/2003	An Giang	12	8	13	12	45	Không đạt	
2	2021020008	Huỳnh Trần Tuyết Anh	9/5/2003	Bình Thuận	11	9	15	9	44	Không đạt	
3	2021020006	Nguyễn Kiều Anh	25/12/2003	Bến Tre	15	13	15	10	53	Đạt	
4	2022020002	Phan Đức Anh	08/02/2004	Quảng Trị	15	8	16	11	50	Đạt	
5	2022020001	Lê Thị Phương Anh	02/08/2004	Đồng Tháp	13	11	15	5	44	Không đạt	
6	2022020003	Trần Nguyễn Tuấn Anh	25/02/2004	Đồng Tháp	15	11	15	6	47	Không đạt	
7	2022020004	Lâm Quốc Bảo	03/12/2004	Kiên Giang	14	10	16	8	48	Không đạt	
8	2022020005	Mai Thanh Bình	11/10/2004	Bến Tre	16	5	13	13	47	Không đạt	
9	2022020006	Võ Hồng Cẩm	28/08/2002	Kiên Giang	17	12	13	13	55	Đạt	
10	2020020006	Nguyễn Trần Vũ Chương	13/06/2001	Bến Tre	10	5	13	5	33	Không đạt	
11	2021020016	Nguyễn Hoàng Đông	19/11/2003	TP. HCM	13	15	15	14	57	Đạt	
12	2019020009	Nguyễn Nhật Hào	30/03/2001	TP. HCM	10	13	16	9	48	Không đạt	
13	2022020007	Nguyễn Nhật Hào	23/8/2002	Cà Mau	12	14	18	13	57	Đạt	
14	2022020008	Mẫu Thị Lệ Hằng	02/07/2004	Khánh Hoà	14	8	15	0	37	Không đạt	
15	2022020010	Trần Trung Hậu	25/04/2004	Tiền Giang	15	14	16	8	53	Đạt	
16	2022020011	Bùi Chí Hiếu	02/8/2002	Đồng Nai					0	Không đạt	Vắng thi
17	2021020023	Rah Lan Thái Hòa	03/03/2003	Gia Lai	13	9	16	10	48	Không đạt	
18	2021020024	Lê Huy Hoàng	13/10/2003	Khánh Hòa	13	8	14	8	43	Không đạt	
19	2021020022	Nguyễn Hải Hồ	22/08/2003	Bến Tre	14	12	15	10	51	Đạt	
20	2021020027	So Jaly	27/7/2003	Phú Yên	14	14	15	10	53	Đạt	
21	2021020029	Phan Vũ Quốc Kiệt	22/10/2003	Bình Thuận	9	12	16	3	40	Không đạt	
22	2022020014	Bùi Lê Phúc Khang	07/9/2004	TP. HCM	13	14	14	8	49	Không đạt	
23	2021020030	Nguyễn Văn Lân	11/06/1999	Đồng Tháp	11	8	16	2	37	Không đạt	
24	2022020016	Trần Phương Linh	01/01/2003	Bến Tre	14	13	15	11	53	Đạt	
25	2022020018	Nguyễn Thành Lộc	11/11/2004	Bến Tre	14	14	14	15	57	Đạt	
26	2021020033	Nguyễn Hoài Lý Phương	23/07/2002	Hà Nội	13	8	10	15	46	Không đạt	
27	2022020019	Võ Nguyễn Hoàng Mai	18/09/2004	BR - VT	13	3	15	6	37	Không đạt	
28	2022020020	Tăng Khánh Mi	29/02/2004	Bến Tre	11	8	15	9	43	Không đạt	
29	2021020037	Nguyễn Đoàn Ngọc	22/12/2002	Đồng Tháp	13	9	15	8	45	Không đạt	
30	2021020038	Nguyễn Thị Kim Nguyên	15/01/2003	BR - VT	13	13	16	9	51	Đạt	
31	2021020039	Vi Thị Thu Nguyệt	19/06/2003	Bình Dương	20	17	18	15	70	Đạt	
32	2021020041	Nguyễn Thiện Nhân	05/09/2002	An Giang	13	0	13	6	32	Không đạt	
33	2021020044	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/05/2003	TP. HCM	16	2	15	3	36	Không đạt	
34	2021020047	Mai Hồng Quỳnh Như	02/06/2003	TP. HCM	5	11	9	13	38	Không đạt	
35	2022020022	Nguyễn Huỳnh Như	20/09/2004	Bạc Liêu	13	4	10	3	30	Không đạt	
36	2022020024	Nguyễn Quốc Phát	17/03/2004	Tiền Giang	19	5	11	9	44	Không đạt	
37	2022020023	Bùi Tấn Phát	31/01/2004	Bến Tre	16	8	14	12	50	Đạt	
38	2021020049	Nguyễn Hồng Phúc	03/02/2003	Tây Ninh	17	11	14	12	54	Đạt	
39	2021020050	Lê Thị Hồng Phượng	29/05/2000	TP. HCM	15	9	13	9	46	Không đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng Điểm	Xếp loại	Ghi chú
1	2021020002	Tạ Thị Thủy An	19/02/2003	An Giang	12	8	13	12	45	Không đạt	
2	2021020008	Huỳnh Trần Tuyết Anh	9/5/2003	Bình Thuận	11	9	15	9	44	Không đạt	
3	2021020006	Nguyễn Kiều Anh	25/12/2003	Bến Tre	15	13	15	10	53	Đạt	
4	2022020002	Phan Đức Anh	08/02/2004	Quảng Trị	15	8	16	11	50	Đạt	
5	2022020001	Lê Thị Phương Anh	02/08/2004	Đồng Tháp	13	11	15	5	44	Không đạt	
6	2022020003	Trần Nguyễn Tuấn Anh	25/02/2004	Đồng Tháp	15	11	15	6	47	Không đạt	
7	2022020004	Lâm Quốc Bảo	03/12/2004	Kiên Giang	14	10	16	8	48	Không đạt	
8	2022020005	Mai Thanh Bình	11/10/2004	Bến Tre	16	5	13	13	47	Không đạt	
9	2022020006	Võ Hồng Cẩm	28/08/2002	Kiên Giang	17	12	13	13	55	Đạt	
10	2020020006	Nguyễn Trần Vũ Chương	13/06/2001	Bến Tre	10	5	13	5	33	Không đạt	
11	2021020016	Nguyễn Hoàng Đông	19/11/2003	TP. HCM	13	15	15	14	57	Đạt	
12	2019020009	Nguyễn Nhật Hào	30/03/2001	TP. HCM	10	13	16	9	48	Không đạt	
13	2022020007	Nguyễn Nhật Hào	23/8/2002	Cà Mau	12	14	18	13	57	Đạt	
14	2022020008	Mẫu Thị Lệ Hằng	02/07/2004	Khánh Hoà	14	8	15	0	37	Không đạt	
15	2022020010	Trần Trung Hậu	25/04/2004	Tiền Giang	15	14	16	8	53	Đạt	
16	2022020011	Bùi Chí Hiếu	02/8/2002	Đồng Nai					0	Không đạt	Vắng thi
17	2021020023	Rah Lan Thái Hòa	03/03/2003	Gia Lai	13	9	16	10	48	Không đạt	
18	2021020024	Lê Huy Hoàng	13/10/2003	Khánh Hòa	13	8	14	8	43	Không đạt	
19	2021020022	Nguyễn Hải Hồ	22/08/2003	Bến Tre	14	12	15	10	51	Đạt	
20	2021020027	So Jaly	27/7/2003	Phú Yên	14	14	15	10	53	Đạt	
21	2021020029	Phan Vũ Quốc Kiệt	22/10/2003	Bình Thuận	9	12	16	3	40	Không đạt	
22	2022020014	Bùi Lê Phúc Khang	07/9/2004	TP. HCM	13	14	14	8	49	Không đạt	
23	2021020030	Nguyễn Văn Lân	11/06/1999	Đồng Tháp	11	8	16	2	37	Không đạt	
24	2022020016	Trần Phương Linh	01/01/2003	Bến Tre	14	13	15	11	53	Đạt	
25	2022020018	Nguyễn Thành Lộc	11/11/2004	Bến Tre	14	14	14	15	57	Đạt	
26	2021020033	Nguyễn Hoài Phương Lý	23/07/2002	Hà Nội	13	8	10	15	46	Không đạt	
27	2022020019	Võ Nguyễn Hoàng Mai	18/09/2004	BR - VT	13	3	15	6	37	Không đạt	
28	2022020020	Tăng Khánh Mi	29/02/2004	Bến Tre	11	8	15	9	43	Không đạt	
29	2021020037	Nguyễn Đoàn Ngọc	22/12/2002	Đồng Tháp	13	9	15	8	45	Không đạt	
30	2021020038	Nguyễn Thị Kim Nguyên	15/01/2003	BR - VT	13	13	16	9	51	Đạt	
31	2021020039	Vì Thị Thu Nguyệt	19/06/2003	Bình Dương	20	17	18	15	70	Đạt	
32	2021020041	Nguyễn Thiện Nhân	05/09/2002	An Giang	13	0	13	6	32	Không đạt	
33	2021020044	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/05/2003	TP. HCM	16	2	15	3	36	Không đạt	
34	2021020047	Mai Hồng Quỳnh Như	02/06/2003	TP. HCM	5	11	9	13	38	Không đạt	
35	2022020022	Nguyễn Huỳnh Như	20/09/2004	Bạc Liêu	13	4	10	3	30	Không đạt	
36	2022020024	Nguyễn Quốc Phát	17/03/2004	Tiền Giang	19	5	11	9	44	Không đạt	
37	2022020023	Bùi Tấn Phát	31/01/2004	Bến Tre	16	8	14	12	50	Đạt	
38	2021020049	Nguyễn Hồng Phúc	03/02/2003	Tây Ninh	17	11	14	12	54	Đạt	
39	2021020050	Lê Thị Hồng Phượng	29/05/2000	TP. HCM	15	9	13	9	46	Không đạt	

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B1 ĐỢT 1 NĂM 2025

Stt	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc	Điểm Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Tổng Điểm	Xếp loại	Ghi chú
40	2021020055	Lại Tấn Quốc	30/10/2002	Đắk Lắk	14	3	14	15	46	Không đạt	
41	2022020026	Nguyễn Như Quỳnh	06/12/2004	TP. HCM	15	2	14	8	39	Không đạt	
42	2021020059	Nguy Phú Tài	31/08/2003	TP. HCM	10	9	16	3	38	Không đạt	
43	2022020027	Nguyễn Huỳnh Tấn Tài	27/10/2002	TP. HCM	16	0	16	2	34	Không đạt	
44	2022020029	Nguyễn Thị Minh Tâm	14/10/2004	Quảng Ngãi	16	12	14	13	55	Đạt	
45	2021020071	Đoàn Thị Thủy Tiên	23/5/2003	Trà Vinh	12	8	12	4	36	Không đạt	
46	2022020031	Nguyễn Bảo Tín	17/11/2004	TP. HCM	12	0	11	4	27	Không đạt	
47	2022020032	Trần Bảo Toàn	09/04/2004	Đắk Lắk	17	8	14	5	44	Không đạt	
48	2022020033	Nguyễn Thị Kim Tuyền	14/02/2004	Long An	15	9	9	10	43	Không đạt	
49	2021020063	Bùi Quốc Thái	17/01/2003	TP. HCM	12	0	13	9	34	Không đạt	
50	2022020034	Trương Quốc Thái	11/11/2004	TP. HCM	16	2	14	3	35	Không đạt	
51	2022020035	Nguyễn Trường Thiện	14/01/2004	Khánh Hoà	14	8	15	2	39	Không đạt	
52	2021020068	Ngô Thượng Thư	14/08/2003	Cà Mau	12	0	7	4	23	Không đạt	
53	2022020036	Lê Thị Mỹ Thương	25/04/2004	TP. HCM	17	17	13	11	58	Đạt	
54	2022020037	Nguyễn Thị Thảo Trang	29/04/2003	Cà Mau	11	4	17	3	35	Không đạt	
55	2021020073	Đoàn Thị Quế Trân	03/04/2003	TP. HCM	16	11	15	9	51	Đạt	
56	2022020039	Phạm Thị Ngọc Trân	11/06/2001	Tiền Giang					0	Không đạt	Vắng thi
57	2022020040	Nguyễn Minh Tri	24/07/2004	TP. HCM	16	13	19	18	66	Đạt	
58	2022020041	Nguyễn Hồ Công Trí	19/02/2004	Bến Tre	14	2	16	9	41	Không đạt	
59	2022020042	Lê Chánh Trực	17/10/2004	Long An	21	16	18	12	67	Đạt	
60	2022020043	Lê Khánh Vân	14/01/2004	Cần Thơ	11	2	16	10	39	Không đạt	
61	2021020082	Hồ Hoàng Vũ	17/10/2003	Đồng Tháp	14	10	19	8	51	Đạt	
62	2022020044	Đoàn Yên Nhật Vũ	18/02/2004	Đồng Nai	20	18	21	14	73	Đạt	
63	2022020046	Trần Lê Hồng Xuân	01/02/2004	TP. HCM	16	10	12	9	47	Không đạt	
64	2021020084	Nguyễn Thị Kim Xuyên	24/12/2003	TP. HCM	17	8	15	13	53	Đạt	
65	2021020087	Ngô Hồng Yến	16/08/2003	Cà Mau	15	16	16	10	57	Đạt	

Danh sách gồm 65 thí sinh

TRƯỞNG BAN COI THI



Đào Thị Thanh Thủy
Trưởng phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế